

Số: 32 /2022/QĐ-UBND

Long An, ngày 17 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành tiêu chuẩn, định mức quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Thực hiện Kết luận số 239-KL/TU ngày 01/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

Thực hiện Công văn số 102/HĐND-KTNS ngày 23/02/2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số 2245/TTr-STC ngày 26/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Long An (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị);

2. Các nội dung không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này, gồm:

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng trên địa bàn tỉnh Long An;

b) Xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

c) Riêng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, người đứng đầu đơn vị ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) tại đơn vị.

3. Các nội dung khác liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán nguồn kinh phí mua sắm từ ngân sách nhà nước, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị và các nguồn hợp pháp khác theo quy định; giao, mua sắm, bố trí sử dụng; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô chuyên dùng.

Đối với việc mua sắm xe ô tô chuyên dùng từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước, khi triển khai thực hiện mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sẽ căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

2. Nghiêm cấm việc sử dụng xe ô tô chuyên dùng vào việc riêng, sử dụng không đúng mục đích hoặc bán, thanh lý, điều chuyển cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào nếu chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Giá mua xe ô tô chuyên dùng

Giá mua xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điều 3 Quyết định này là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô chuyên dùng được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn vào giá mua để xác định tiêu chuẩn, định mức.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức xác định số lượng xe ô tô chuyên dùng được sử dụng thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này và xử lý xe ô tô chuyên dùng dôi dư theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư chịu trách nhiệm ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng (đối tượng sử dụng, chủng loại, số lượng, mức giá) tại đơn vị.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/6/2022 và bãi bỏ Quyết định số 3614/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định định mức, chủng loại xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước; Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các tổ chức; cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như điều 6;
 - Bộ Tài chính;
 - Cục Kiểm tra VBQP-L-Bộ Tư pháp;
 - TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
 - TT.UBMTTQVN tỉnh;
 - CT, các PCT.UBND tỉnh;
 - Công thông tin điện tử tỉnh;
 - Phòng KTTC + CTHĐND;
 - Lưu: VT, Dung.
- QĐ-STC-TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DỤNG

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Út

(Handwritten mark)

Phụ lục						
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH LONG AN						
<i>(Kèm theo Quyết định số: 32/2022 /QĐ-UBND ngày 17/6/2022 của UBND tỉnh)</i>						
Số TT	Đối tượng sử dụng	ĐVT	Nhu cầu trang bị tối đa			
			Chủng loại	Số lượng	Mức giá (ngàn đồng/chiếc)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6	7
I	CẤP TỈNH			69		
1	Văn phòng Tỉnh ủy	chiếc	19 chỗ ngồi, chất lượng cao	1	2.500.000	Phục vụ công tác chính sách, chăm sóc sức khỏe, công tác cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý
2	Văn phòng UBND tỉnh	chiếc	19 chỗ ngồi, chất lượng cao	1	2.500.000	Phục vụ công tác đối nội, đối ngoại chung của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh
3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	chiếc		10		
1	<i>Chi cục kiểm lâm</i>			2		
			Bán tải	1	1.000.000	Phục vụ kiểm tra lâm sản và phòng chống cháy rừng
			Bán tải	1	1.000.000	Phục vụ chống cháy rừng, ứng phó sự cố môi trường
2	<i>Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và QLCL nông sản</i>		Bán tải, có thùng cao	1	1.000.000	Kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh và lấy mẫu kiểm nghiệm
3	<i>Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp</i>		Bán tải	1	1.000.000	Kiểm tra dịch bệnh và chở thức ăn thủy sản
4	<i>Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản</i>			3		
			Bán tải	1	1.000.000	Phục vụ công tác phòng chống dịch bệnh (chuyên chở vaccine, vật tư,...) bắt chó chạy rong, chuyên chở thuốc khử trùng
			Bán tải	1	1.000.000	
			Xe tải	1	1.000.000	
5	<i>Trung tâm QL Khai thác công trình thủy lợi</i>			2		
			Bán tải	1	1.000.000	Quản lý khai thác vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đức Hòa (khu tưới Đức Hòa-Dự án thủy lợi Phước Hòa)
			Xe tải	1	1.000.000	Chuyên chở các thiết bị sửa chữa các công trình thủy lợi của khu tưới Đức Hòa - Dự án Phước Hòa và các công trình thủy lợi khác
6	Khu Bảo tồn Đất ngập nước Láng Sen		Bán tải	1	1.000.000	Phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, phục hồi, bảo tồn đa dạng sinh học
4	Sở Công thương	chiếc	Bán tải	1	1.000.000	Phục vụ đưa hàng Việt về nông thôn
5	Sở Khoa học và Công nghệ	chiếc		2		
1	<i>Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật, thông tin KH và CN</i>		Bán tải	1	1.000.000	Phục vụ công tác kiểm định, đo lường, vận chuyển chất độc hại
2	<i>Văn phòng Sở</i>		Bán tải	1	1.000.000	Phục vụ công tác kiểm tra an toàn bức xạ và hạt nhân

Số TT	Đối tượng sử dụng	ĐVT	Nhu cầu trang bị tối đa			
			Chủng loại	Số lượng	Mức giá (ngàn đồng/chiếc)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6	7
6	Sở Xây dựng	chiếc		2		
1	Thanh tra Xây dựng		Bán tải	1	1.000.000	Phục vụ hoạt động thanh tra xây dựng
2	Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng		Bán tải	1	1.000.000	Phục vụ hoạt động kiểm định chất lượng xây dựng
7	Sở Giao thông Vận tải	chiếc		11		
1	Thanh tra GTVT			8		
			Bán tải	1	1.000.000	Phục vụ thanh tra cho các Đội GTVT (có 8 Đội)
			Bán tải	1	1.000.000	
			Bán tải	1	1.000.000	
			Bán tải	1	1.000.000	
			Bán tải	1	1.000.000	
			Bán tải	1	1.000.000	
			Bán tải	1	1.000.000	
			Bán tải	1	1.000.000	
2	Ban QLDA công trình giao thông		Bán tải	2	1.000.000	Phục vụ kiểm tra khắc phục sự cố các công trình giao thông, kiểm tra xử lý các dự án nền đất yếu
3	Văn phòng Sở GTVT		Bán tải	1	1.000.000	Thường trực công tác ATGT tỉnh
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	chiếc		1		
1	Trường CDSP		Xe khách 45 chỗ ngồi	1	1.500.000	Học sinh, sinh viên
9	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	chiếc		12		
1	Trường TCKT-KT			12		
			Tùy theo nhu cầu thực tế	7	700.000	Tập lái hạng B2
			Tải nặng	4	600.000	Tập lái hạng C
			Xe khách (30 chỗ ngồi)	1	850.000	Tập lái hạng D
				0		Tập lái hạng E
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	chiếc		13		
1	Đoàn Nghệ thuật cải lương			3		
			Xe khách (46 chỗ ngồi)	1	2.900.000	Xe chở diễn viên
			Xe tải	1	1.800.000	Xe chở hệ thống âm thanh, ánh sáng, nhạc cụ, đạo cụ cảnh trí, sân khấu lắp ráp
			Xe tải	1	4.000.000	Xe chở sân khấu lưu động phục vụ vùng sâu vùng xa

Số TT	Đối tượng sử dụng	ĐVT	Nhu cầu trang bị tối đa			
			Chủng loại	Số lượng	Mức giá (ngàn đồng/chiếc)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6	7
2	Đoàn xiếc			3		
			Xe khách (46 chỗ ngồi)	1	2.900.000	Xe chở diễn viên
			Xe tải	1	1.800.000	Xe chở sân khấu, rạp, bạt
			Xe tải nhỏ	1	800.000	Xe chở thú
3	Trường TĐTT		Xe khách (29 chỗ ngồi)	1	1.500.000	Xe chở học viên, vận động viên tham gia thi đấu và tập luyện
4	Thư viện		Bán tải	1	1.000.000	Vận chuyển sách đến các thư viện huyện, xã, trường học và phòng đọc sách, đồn biên phòng, trại giam
5	Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật			4		
			Xe khách (29 chỗ ngồi)	1	1.500.000	Xe chở diễn viên, công tác viên đi biểu diễn
			Xe tải	1	650.000	Xe chở hệ thống âm thanh, đạo cụ, sân khấu lưu động
			Xe tải	1	1.800.000	Xe chở hệ thống âm thanh, đạo cụ, sân khấu lưu động
			Bán tải	1	1.000.000	Xe phục vụ chiếu phim lưu động, tuyên truyền lưu động
6	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao		Xe khách (29 chỗ ngồi)	1	1.500.000	Xe chở huấn luyện viên, vận động viên tham gia tập huấn và thi đấu
11	Sở Tài nguyên và Môi trường	chiếc		2		
1	Văn phòng Sở (Giải thể Chi cục Bảo vệ môi trường thành phòng chuyên môn thuộc Sở)		Bán tải	2	1.000.000	- Phục vụ hoạt động kiểm tra, lấy mẫu chất thải môi trường; - Phục vụ hoạt động thanh tra
12	Sở Nội vụ	chiếc	Bán tải	1	1.000.000	Chở tài liệu cho công tác văn thư, lưu trữ
13	Sở Ngoại vụ	chiếc	Bán tải	2	1.000.000	Phục vụ Phân giới cắm mốc
14	Đài PT-TH	chiếc		9		
				7		
						Phục vụ hoạt động tác nghiệp quay phim
			Xe tải, gắn thiết bị chuyên dùng	1	16.000.000	
				1	16.000.000	Phục vụ truyền hình trực tiếp; sản xuất chương trình
15	Hội Nông dân	chiếc		1		
1	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân		Xe tải	1	1.000.000	Phục vụ vận chuyển một số vật tư, trang thiết bị để xây dựng các mô hình, phương tiện trang thiết bị dạy nghề và một số hoạt động dịch vụ hỗ trợ nông dân
II	CẤP HUYỆN			44		

Số TT	Đối tượng sử dụng	ĐVT	Nhu cầu trang bị tối đa			
			Chủng loại	Số lượng	Mức giá (ngàn đồng/chiếc)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6	7
1 Thành phố Tân An		chiếc		2		
1 Phòng Quản lý đô thị			Bán tải	1	1.000.000	Quản lý trật tự đô thị
2 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh			Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
2 Thị xã Kiến Tường		chiếc		2		
1 Phòng Quản lý đô thị			Bán tải	1	1.000.000	Quản lý trật tự đô thị
2 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh			Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
3 Huyện Bến Lức		chiếc		6		
1 Phòng Kinh tế-Hạ tầng			Bán tải	1	1.000.000	Quản lý giao thông đô thị
2 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh			Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
3 UBND thị trấn Bến Lức			Bán tải	1	1.000.000	Quản lý trật tự đô thị
4 UBND xã Nhựt Chánh			Bán tải	1	1.000.000	Quản lý trật tự đô thị
5 UBND xã Thạnh Đức			Bán tải	1	1.000.000	Quản lý trật tự đô thị
6 UBND xã Mỹ Yên			Bán tải	1	1.000.000	Quản lý trật tự đô thị
4 Huyện Thủ Thừa		chiếc		1		
1 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh			Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
5 Huyện Châu Thành		chiếc		1		
1 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh			Bán tải	1	1.000.000	Thông tin lưu động
6 Huyện Tân Trụ		chiếc		1		
1 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh			Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
7 Huyện Cần Đước		chiếc		4		
1 Phòng Kinh tế-Hạ tầng			Bán tải	1	1.000.000	Quản lý giao thông đô thị
2 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh			Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
3 UBND thị trấn Cần Đước			Bán tải	1	1.000.000	Quản lý trật tự đô thị
4 UBND xã Long Hòa			Bán tải	1	1.000.000	Quản lý trật tự đô thị

Số TT	Đối tượng sử dụng	ĐVT	Nhu cầu trang bị tối đa			
			Chủng loại	Số lượng	Mức giá (ngàn đồng/chiếc)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6	7
8	Huyện Cần Giuộc	chiếc		3		
1	Phòng Kinh tế-Hạ tầng		Xe tải chuyên dụng	1		Chở người và tang vật vi phạm
2	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh		Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
3	UBND thị trấn Cần Giuộc		Bán tải	1		Lập lại trật tự đô thị
9	Huyện Đức Hòa	chiếc		8		
1	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh		Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
2	UBND thị trấn Hậu Nghĩa		Bán tải	1	1.000.000	Lập lại trật tự đô thị
3	UBND thị trấn Đức Hòa		Bán tải	1	1.000.000	Lập lại trật tự đô thị
4	UBND xã Đức Hòa Đông		Bán tải	1	1.000.000	Lập lại trật tự đô thị
5	UBND xã Đức Hòa Hạ		Bán tải	1	1.000.000	Lập lại trật tự đô thị
6	UBND xã Đức Hòa Thượng		Bán tải	1	1.000.000	Lập lại trật tự đô thị
7	UBND xã Mỹ Hạnh Nam		Bán tải	1	1.000.000	Lập lại trật tự đô thị
8	UBND xã Mỹ Hạnh Bắc		Bán tải	1	1.000.000	Lập lại trật tự đô thị
10	Huyện Đức Huệ	chiếc		6		
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện		Bán tải	1	1.000.000	Phục vụ phòng chống cháy rừng, kiểm tra an toàn giao thông
2	Phòng Kinh tế-Hạ tầng		Xe rác	1	1.000.000	
			Xe rác	1	1.800.000	
			Xe rác	1	1.800.000	
			Xe rác	1	2.100.000	
3	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh		Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
11	Huyện Thạnh Hóa	chiếc		2		
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện		Bán tải	1		Phục vụ phòng chống cháy rừng, kiểm tra an toàn giao thông
2	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh		Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
12	Huyện Tân Thạnh	chiếc		2		
1	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh		Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động

Số TT	Đối tượng sử dụng	ĐVT	Nhu cầu trang bị tối đa			
			Chủng loại	Số lượng	Mức giá (ngàn đồng/chiếc)	Mục đích sử dụng
1	2	3	4	5	6	7
2	UBND thị trấn Tân Thạnh		Bán tải	1	1.000.000	Quản lý trật tự đô thị
13	Huyện Mộc Hóa	chiếc		1		
1	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh		Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
14	Huyện Vĩnh Hưng	chiếc		3		
1	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh		Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
2	Văn phòng HĐND-UBND huyện		Bán tải	1	1.000.000	
3	UBND thị trấn Vĩnh Hưng		Bán tải	1	1.000.000	Quản lý trật tự đô thị
15	Huyện Tân Hưng	chiếc		2		
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện		Bán tải	1	1.000.000	Phục vụ phòng chống cháy rừng, kiểm tra an toàn giao thông
2	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thanh		Bán tải có sân khấu lưu động	1	1.000.000	Thông tin lưu động
TỔNG CỘNG				113		
	#NAME?					